

CAO TĂNG KỶ TRUYỀN

THANH HÀ (Biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA THÔNG TIN

www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn - www.lib.hau.edu.vn

Lời nói đầu

Kể từ khi ra đời cho đến nay Phật giáo đã có hơn 2000 năm lịch sử. Trong hơn 2000 năm qua, Phật giáo đã có ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống văn hoá của các dân tộc Ấn Độ, Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam... Cao tăng là những nhân vật đại diện cho tư tưởng và hoạt động của Phật giáo. Bằng nghị lực, phi thường, học thức sâu rộng, tư cách phẩm chất đạo đức tốt đẹp, các vị cao tăng đã đóng góp một phần rất đáng kể trong sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hoá Phật giáo.

"CAO TĂNG KỶ TRUYỀN" là cuốn sách ghi lại sự tích của các vị Cao tăng Trung Quốc qua các thời đại. Nội dung sách mang tính "truyền kỳ" để "khuyến thiện, trừng ác" theo tinh thần của Phật giáo và cũng là để đưa Phật giáo góp phần xây dựng cuộc sống văn minh trong thời đại mới.

Hy vọng rằng cuốn sách nhỏ này sẽ đem đến cho bạn đọc bất kể là tín đồ Phật giáo hay không phải là tín đồ Phật giáo những chỉ dẫn có ích trong cuộc sống. Đó cũng chính là tâm nguyện của chúng tôi.

Thay mặt nhóm biên soạn

THANH HÀ

1. PHẬT PHÁP ĐÔNG LAI

(Phật pháp được truyền tới phương Đông)

Tương truyền, vào khoảng thế kỷ thứ 6 trước công nguyên, Phật giáo đã ra đời tại nước Ca Tỳ Lô Vệ thuộc Ấn Độ cổ đại. Trải qua quãng thời gian khoảng hai ba trăm năm phát triển, đến đời vua A Dục thì Phật giáo bắt đầu được truyền bá ra bên ngoài và trở thành một tôn giáo trên toàn thế giới.

Phật giáo là một hiện tượng văn hoá vô cùng phong phú và rực rỡ. Nó đã được truyền vào Trung Quốc trong một thời gian rất dài thông qua nhiều con đường và nhiều cách thức khác nhau.

Phật giáo được truyền đến Đông Thổ sớm nhất và cũng có rất nhiều truyền thuyết kể về quá trình truyền đạo này. Nhưng truyền thuyết phổ biến nhất về việc Phật giáo bắt đầu được truyền vào Đông Thổ đó là chuyện vua Hán Minh Đế nửa đêm mơ gặp kim nhân, sau đó phái người đi đến Ấn Độ và chuyện bạch mã thồ kinh Phật tới Phương Đông. Nhưng tại sao người ta lại coi đây là sự bắt đầu hình thành Phật giáo tại Trung Hoa? Đó là vì để được coi là một tôn giáo thực sự thì tôn giáo ấy phải hội tụ được tối thiểu 4 điều kiện cần thiết để cho tôn giáo ấy ra đời hoặc bám trụ lại tại một vùng nào đó. Bốn điều kiện đó là: Người sáng lập ra tôn giáo đó, lý luận hoặc kinh điển của tôn giáo đó, tín đồ của tôn giáo và nơi diễn ra các hoạt động tôn giáo. Có người đã giải thích kim nhân trong câu chuyện Hán Minh Đế nửa đêm mơ gặp kim nhân

chính là "Phật", sau đó Minh Đế đã phái người sang Ấn Độ và quả nhiên đã thỉnh được tượng Phật Như Lai - Thích Ca Mâu Ni mang về, rồi lại có ngựa bạch mã thổ kinh trở về và thỉnh được cả mấy vị hoà thượng sang theo. Như vậy tam bảo của nhà Phật (phật, pháp, tăng) đều đã đủ cả, ngoài ra Hán Minh Đế còn cho xây ngôi chùa Bạch Mã - ngôi chùa đầu tiên ở Trung Quốc tại thành Lạc Dương. Kể từ đó, Phật giáo chính thức được truyền vào Trung Quốc.

Trong quá trình Phật giáo truyền tới phương Đông, đã xảy ra rất nhiều câu chuyện cảm động giống như quá trình đi sang Tây Trúc thỉnh kinh. Trong cuốn sách này chúng tôi chỉ xin phép lược thuật giới thiệu với các bạn độc giả những câu chuyện hay nhất.

VỊ HÒA THƯỢNG ĐẦU TIÊN Ở TRUNG QUỐC

Theo sử sách và các câu chuyện ghi chép về tăng ni thì vị hoà thượng đầu tiên ở Trung Quốc là một người đến từ Ấn Độ có tên gọi là Nhiếp Ma Đăng.

Nhiếp Ma Đăng có dáng vẻ đường đường, là một người tài năng đức độ. Ông tinh thông "Đại thừa kinh" (Đại Thừa là một dòng phái của Phật giáo được hình thành vào khoảng thế kỷ thứ nhất sau công nguyên. Phái này tự nhận mình có thể đưa chúng sinh từ bể khổ sinh tử tới cõi bồ đề niết bàn, tu thành chính quả. Đồng thời phái Đại Thừa gọi các dòng phái Phật giáo khác là Tiểu Thừa. Sự khác biệt cơ bản giữa hai dòng phái này đó là Tiểu Thừa theo đuổi chân lý tự giải thoát bản thân, lấy việc "khôi thân diệt chí", chứng minh Ala hán quả là mục tiêu tối cao của mình. Còn phái Đại Thừa lại coi trọng đại từ đại bi, phổ độ chúng sinh, coi việc thành Phật độ

thế, xây dựng cõi cực lạc phật quốc làm mục tiêu cao nhất. Đại Thừa. Tiểu Thừa đều có các bộ kinh điển đại biểu của riêng mình. Kinh điển của phái Đại Thừa chủ yếu bao gồm "Bán nhược kinh", "Duy ma cật kinh", "Pháp hoa kinh", "Hoa nghiêm kinh"... Phái Tiểu Thừa bao gồm các bộ kinh: "A hàm kinh" và "Tiểu thừa kinh". Ông là người tính tình phóng khoáng, cởi mở, thường tiêu dao ngao du khắp nơi (những tăng nhân học Phật tham thiền, vân du bốn phương nên gọi là "du phương tăng" cũng còn gọi là "vân thủy tăng", thậm chí còn hành tung bất định không rõ danh tính).

Đông Hán, năm Vĩnh Bình thứ 7 (tức năm 64 sau công nguyên), vua Hán Minh Đế nửa đêm nằm mơ gặp được một người có dáng vẻ khôi ngô, tuấn tú, chân cưỡi mây trắng, trên đầu thì toả ánh hoà quang như thiên thần. Đức vua đang định tiến về phía trước để hành lễ thì người kia đã đằng vân bay về phía Tây. Ngày hôm sau, khi lên triều, Minh Đế đã kể lại mọi chuyện xảy ra trong mộng cho văn võ bá quan trong triều cùng nghe, quần thần nghe xong thì bàn tán huyên náo, xôn xao.

Tiến sỹ Phó Nghị nghe xong đã bước lên trước giải mộng rằng:

- Thần nghe nói ở phía Tây có một vị thánh, vị này thân cao một trượng sáu tấc, xung quanh người toả ra ánh hào quang lấp lánh, thân hình, cử chỉ thì nhẹ nhàng như bay. Ông ta có tên là Phật. Người mà bệ hạ đã gặp trong mơ có lẽ chính là người này đây.

Sau khi nghe lời giải mộng của Phó Nghị thì Hán Minh Đế ngay lập tức đã nảy ra ý muốn đi về hướng Tây để cầu Phật. Để thoả lòng mong muốn ông đã cho triệu Thái An, Tản Cảnh và một số người khác vào điện và sai bọn họ đi sang Tây Vực để thỉnh Phật pháp.

Đoàn người của Thái An, Tần Cảnh nhận lệnh nhằm thẳng hướng Tây mà tiến, dọc đường đi bọn họ đã phải vượt qua trăm ngàn nguy hiểm, vất vả, gian nan. Tới năm Vĩnh Bình thứ 10 (tức là năm 67 sau công nguyên), đoàn người đã gặp được hai tăng nhân của nước Thiên Trúc là Nhiếp Ma Đằng và Trúc Pháp Lan tại thành phố Đại Nguyệt. Thái Tần liền vội mời bọn họ tới Trung Quốc để truyền giáo. Vừa hay lúc đó Nhiếp Ma Đằng đang muốn khuyếch trương, mở rộng đạo Phật nên đã vui vẻ nhận lời ngay lập tức. Nhiếp Ma Đằng đã không quản vất vả, gian nan cùng với Thái An, Tần Cảnh nhậm sứ giả treo đeo, lệt lết mang một vài bức tượng Phật và một ít kinh thư (nghe nói là do một con ngựa trắng thồ) về thành Lạc Dương. Còn về phần Trúc Pháp Lan, do đám đồ đệ của ông cứ nài nỉ lưu ông lại một thời gian dài nên mãi sau đó ông cũng mới tới được Trung Nguyên.

Hán Minh Đế thấy Nhiếp Ma Đằng đồng ý tới truyền đạo thì vô cùng mừng rỡ, tiếp đón nhiệt tình. Ngay ngày hôm sau, khi Nhiếp Ma Đằng vừa tới Lạc Dương thì nhà vua đã sai người dựng một ngôi chùa tại cửa Ung Môn phía Đông Thành Lạc Dương cho Nhiếp Ma Đằng cư ngụ. Do tượng Phật và kinh thư được một con ngựa trắng thồ về Trung Quốc nên lúc đầu chùa có tên gọi là "chùa Bạch Mã". Từ đây Trung Quốc đã có vị tăng đầu tiên là Nhiếp Ma Đằng, có ngôi chùa đầu tiên đó là chùa Bạch Mã. Khi đó, do đạo Phật mới được du nhập vào Trung Quốc nên mọi người vẫn còn chưa hiểu hết phép mầu nhiệm của Phật pháp. Tâm nguyện phổ biến đạo Phật của Nhiếp Ma Đằng chưa được hoàn thành thì ông qua đời tại thành Lạc Dương.

NGUỒN GỐC HỌ "THÍCH" CỦA CHƯ TĂNG ĐƯỢC BẮT NGUỒN BỞI ĐẠO AN

Vào thời Ngụy Tấn, tất cả hoà thượng đều lấy họ sư phụ làm họ cho mình, vì vậy mà các họ thường không giống nhau. Một danh sỹ thời đó tên là Đạo An (314 - 385) lại cho rằng sư phụ của sư phụ cứ suy rộng lên trên đi tìm về tận nguồn gốc thì đó chính là đấng Phật tổ Thích Ca Mâu Ni. Vì vậy tất cả chư tăng hoà thượng trong thiện hạ nên lấy họ "Thích" làm họ. Ý kiến này của Đạo An vừa được đưa ra thì chư tăng, hoà thượng đã lũ lượt đổi họ thành "Thích". Sau này khi bộ kinh "Tăng nhất a hàm kinh" được truyền từ Ấn Độ tới thì trong kinh thư quả nhiên có nói rằng: "Trăm sông khi đã đổ về biển thì không còn gọi là sông nữa, hoà thượng trăm họ thì cũng đều là hậu thế của đức Phật Thích Ca Mâu Ni". Đề xướng của Đạo An quả nhiên đã phù hợp với giáo lý của kinh Phật và họ "Thích" của chư tăng hoà thượng từ đó được đặt cố định và truyền tới tận ngày nay.

LỜI TẶNG TRƯỚC LÚC TỪ BIỆT

Một vị cao tăng người Ấn Độ tên là Kỳ Vực tới Trung Quốc và ở lại thành Lạc Dương trong nhiều năm. Năm đó, Lạc Dương xảy ra chiến loạn nên Kỳ Vực đành phải rời thành Lạc Dương trở về Ấn Độ.

Có một vị hoà thượng tên gọi Trúc Pháp Hành, là một cao tăng nổi tiếng đương thời nói với Kỳ Vực rằng: Đại sư là một vị Cao tăng đặc đạo, xin người hãy lưu lại vài lời cảnh giới nhắc nhở mãi mãi cho chúng tôi.

Kỳ Vực nghe xong liền nói:

- Vậy hãy tập trung mọi người đến đây

Khi mọi người đã tụ tập đông đủ, Kỳ Vực liền bước lên đài và nói:

"Thủ khẩu nhiếp thân ý, thân mặc phạm chúng nộ, tu hành nhất thiết thiện, nhu thị đắc độ thể"

(đây là bài Kệ, đại ý nói rằng người tu thân cần phải cẩn thận, không được phạm vào tội tức giận; phải suốt đời làm việc thiện thì mới được siêu thoát khỏi cuộc đời này, không bị lún xuống bể khổ)

Nói xong, ông nhắm mắt lặng lẽ nhập định, Trúc Pháp Hành khẩn cầu nói:

- Hy vọng đại sư sẽ nói cho chúng tôi những lời mà trước nay chưa từng được nghe, còn những lời giống như bài Kệ mà người vừa nói thì ngay cả đứa trẻ lên tám cũng có thể thuộc lâu lâu, đây không phải là những người hi vọng được đắc đạo như chúng tôi mong muốn.

Kỳ Vực nghe vậy thì lại cười nói:

- Đứa trẻ lên tám mặc dù có thể thuộc những lời đó nhưng cho dù nó có sống đến trăm tuổi cũng chưa chắc đã thực hiện được, như vậy thì học thuộc đâu có ích lợi gì? Mọi người đều biết rằng những người đắc đạo tôn kính mà không biết làm thế nào để bản thân đắc đạo thì thật là đáng thương, đáng thương! Những lời ta nói tuy ít nhưng nếu làm được thì lợi ích sẽ vô cùng to lớn đấy.

Nói rồi ông cáo từ lên đường, Kỳ Vực chậm chậm bước đi nhưng những người phía sau không sao đuổi kịp. Kỳ Vực dùng gậy vạch một đường dưới mặt đất rồi nói:

- Thôi, chúng ta nên cáo biệt từ đây thôi!